SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT THANH OAI A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 /QĐ-THPT TOA

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai Dự toán ngân sách năm 2026 của Trường THPT Thanh Oai A

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT THANH OAI A

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 2017/TT-BGDĐT ngày 28/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo đối với hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 3228/QĐ-SGD&ĐT ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Dự toán ngân sách năm 2026 của Trường THPT Thanh Oai A(theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán, các cá nhân và bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Giáo dục và Đào tạo (để bc);
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Quang

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số: 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THPT Thanh Oai A

Chương: 422

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 56 /QĐ-THPT-TOA ngày 16../..01.../2026 của Hiệu trưởng Trường THPT Thanh Oai A)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**25.046.926.000**
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	25.046.926.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	22.460.218.000
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.586.708.000